

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2022/HNGĐ-ST

Ngày : 16-6-2022

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ÂN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bích Hiền;

Ông Trần Quý Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 152/2022/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2022, về việc: “*Tranh chấp về ly hôn*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2022/QĐXX-HN ngày 25 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị B, sinh năm 1964; nơi cư trú: thôn M, xã Ân Mỹ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Xuân C, sinh năm 1966; nơi cư trú: thôn M, xã Ân Mỹ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt (lần 02).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ của bên nguyên đơn bà Trương Thị B trình bày:

Bà B và ông Nguyễn Xuân C ở cùng xã nên quen biết nhau, hai người có tổ chức cưới nhau vào năm 1980, không đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức cưới, vợ chồng về sống chung tại nhà cha mẹ ông C (Nguyễn B1, Nguyễn Thị B2), sau đó ra ở riêng vào năm 1984. Vợ chồng bà B, ông C có 04 con chung tên Nguyễn Thị Đ, sinh

năm 1984; Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1986; Nguyễn Thị A1, sinh năm 1989; Nguyễn Thị A, sinh năm 1991 tất cả đều đã lấy chồng ra ở riêng.

Lý do bà B xin ly hôn ông Nguyễn Xuân C: Ông C thường xuyên đánh vợ, chửi con và ngoại tình với người khác có con riêng. Đến nay bà B không thể chịu đựng được nữa, xác định không còn tình cảm vợ chồng nên xin ly hôn ông Nguyễn Xuân C. Về nuôi con: Các con đều đã lập gia đình riêng nên bà B không có yêu cầu gì. Về tài sản: Bà B và ông C có chung 01 ngôi nhà, quyền sử dụng đất tại thôn M, xã Ân Mỹ; lúc xây dựng thì các con có đóng góp vào, nay tại Tòa án bà B tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, bà B xác định không nợ ai.

- Bị đơn, ông Nguyễn Xuân C: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến ngày mở phiên tòa sơ thẩm, ông C không đến Tòa án, không có lời khai.

- Do vụ án không thu thập chứng cứ nên không có sự tham gia của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trương Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Xuân C; nguyên đơn, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại: thôn M, xã Ân Mỹ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật: Tòa án thụ lý sơ thẩm vụ án và xác định đây là “*Tranh chấp về ly hôn*” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện thủ tục giao nhận tài liệu, chứng cứ; tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ; hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quyền, nghĩa vụ của đương sự: Tòa án đã thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ; giải thích các quy định của pháp luật, bị đơn Nguyễn Xuân C không yêu cầu phản tố, không đến Tòa án. Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn Trương Thị B.

- Về hôn nhân: Theo bà B thì bà B và ông C cưới nhau từ năm 1980, đến năm 1984 có con chung Nguyễn Thị Đ; tuy hai người không có đăng ký kết hôn, nhưng

sống chung trước ngày 03/01/1987 nên hôn nhân đó được xác định là hôn nhân thực tế theo Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10, ngày 09 tháng 6 năm 2000. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Trương Thị B và ông Nguyễn Xuân C đã đến mức trầm trọng, đòi sống chung không thể kéo dài và thực tế hai người không sống chung từ nhiều năm nay, không quan tâm nhau nữa. Do đó có kéo dài mối quan hệ vợ chồng thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Tại Tòa án, bà B kiên quyết xin ly hôn ông Nguyễn Xuân C là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nuôi con: Các con chung đều đã trưởng thành, bà B không yêu cầu.
- Về tài sản: Bà B không yêu cầu giải quyết.

[3]. Đối với bị đơn ông Nguyễn Xuân C.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, ông C không đến Tòa án, không có lời khai. Mặc dù Tòa án đã thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng ông C đều vắng mặt là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình trước các quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật để xét xử vụ án.

[4]. Do tính chất của vụ án, Tòa án không thu thập chứng cứ nên không có sự tham gia của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên buộc bà B nộp án phí.

Vì các lẽ trên; Căn cứ vào khoản 1 Điều 235, khoản 1 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị B được ly hôn ông Nguyễn Xuân C.

- Về nuôi con: Các con đã trưởng thành, các bên đương sự không yêu cầu.
- Về tài sản: Các bên không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm ly hôn:

Bà Trương Thị B nộp 300.000 đồng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010594 ngày 06/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân.

3. Các bên đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Vân